

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS-ST

Ngày 14-9-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Châu; bà Lê Thị Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun, Thư ký TAND huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thơm, chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2023/TLST-DS ngày 21/6/2023, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-DS, ngày 14/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 254/2023/QĐST-DS, ngày 30/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Cao H (có mặt).

Địa chỉ: thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người được ủy quyền: Ông Dương Văn N (Theo văn bản ủy quyền số chứng thực 309, quyền số 01 (1)-SCT/HĐ,GD ngày 2/8/2023) (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ A, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn J, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Văn K, sinh năm 1981 (chồng của bà Nguyễn Thị Mỹ A) (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn J, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2023 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 21/6/2023), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền ông Dương Văn N trình bày:

Dựa trên mối quan hệ biết từ năm 2020 nhiều lần ông H đã bán vật tư xây dựng (gồm gạch men, thiết bị điện, thiết bị vệ sinh...) cho bà Nguyễn Thị Mỹ A. Thời gian, số lượng, giá cả, thành tiền ông H không nhớ cụ thể vì bà A mua rất nhiều lần và cũng đã nhiều lần trả tiền mặt, đến cuối năm giữa ông Cao H và bà Nguyễn Thị Mỹ A thỏa thuận lập giấy xác nợ, chuyển thành giấy vay tiền. Bà A là người đọc các dữ liệu họ

và tên của bà A và tên của chồng bà A là ông Nguyễn Văn K để cho ông H viết có tựa đề “GIẤY VAY TIỀN” đề ngày 11/12/2020 với số tiền nợ gốc là 60.113.400 đồng và hẹn thời gian trả vào ngày 31/01/2021 mới tính lãi 10%/năm và có chữ ký và viết tên “ Nguyễn Thị Mỹ A”. Hiện nay quá thời hạn thanh toán đã lâu và ông H đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà A cố tình trốn tránh không thanh toán. Tại đơn khởi kiện ông Cao H yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ A thanh toán cho ông Cao H số tiền gốc là 60.113.400 đồng (Sáu mươi triệu một trăm mười ba nghìn bốn trăm đồng) và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm = 0,83%/tháng tính từ ngày 01/02/2021 cho đến khi xét xử.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn không yêu cầu ông Nguyễn Văn K liên đới cùng trả nợ với bà Nguyễn Thị Mỹ A, chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ A thanh toán cho ông Cao H số tiền gốc là 60.113.400 đồng (Sáu mươi triệu một trăm mười ba nghìn bốn trăm đồng) và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm = 0,83%/tháng tính từ ngày 01/02/2021 đến ngày 14/9/2023 là 31 tháng 13 ngày, cụ thể:

Tiền lãi là: $60.113.400 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 31 \text{ tháng} 13 \text{ ngày} = 15.683.000 \text{ đồng}$.

Tổng tiền gốc và tiền lãi bà A phải thanh toán là 75.796.400 đồng (60.113.400 đồng + 15.683.000 đồng) và tiếp tục tính tiền lãi cho đến khi xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Mỹ A trình bày:

Bà A thừa nhận bà có mua vật liệu xây dựng nhà vào năm 2020, sau khi thanh toán thì đến ngày 11/12/2020 giữa ông H và bà A lập biên bản còn nợ số tiền 60.113.400 đồng nhưng ông H bảo bà A ký vào giấy nhận nợ và không tính lãi suất và hẹn trả góp nhiều lần, chữ ký trong giấy vay tiền đúng là chữ ký chữ viết “Nguyễn Thị Mỹ A” là của bà A viết, đồng thời bà A đã trả được 10.000.000 đồng. Nay số tiền còn lại là 50.113.400 đồng bà A đồng ý trả. Đối với số nợ trên ông Nguyễn Văn K (chồng bà A) không liên quan đến việc nợ này. Về lãi suất bà A không đồng ý trả lãi suất theo yêu cầu của Nguyên đơn.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K, tuy nhiên anh K đều vắng mặt, không trình bày ý kiến, do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải; tại phiên tòa, ông Kiên vắng mặt không lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ A phải thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 60.113.400 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm = 0,83%/tháng tính từ ngày 01/02/2021 đến ngày 14/9/2023 là 31 tháng 13 ngày, cụ thể:

Tiền lãi là: $60.113.400 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 31 \text{ tháng} = 15.683.000 \text{ đồng}$.

Tổng tiền gốc và tiền lãi bà A phải thanh toán là 75.796.400 đồng (60.113.400 đồng + 15.683.000 đồng) và tiếp tục tính tiền lãi cho đến khi xét xử.

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Bản gốc 01 giấy viết bằng bút mực màu xanh có tựa đề “Giấy vay tiền” đề ngày 11/12/2020 thể hiện nội dung bà A vay số tiền 60.113.400 đồng, với lãi suất 0%, thỏa thuận thời hạn thanh toán là ngày 31/01/2021, chúng tôi trả đủ gốc và lãi cho ông H, có chữ ký, viết tên “Nguyễn Thị Mỹ A”. Đây là các tài liệu do Nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được theo đúng trình tự thủ tục được chấp nhận làm căn cứ để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ông Cao H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ A phải thanh toán số tiền nợ gốc do các bên thỏa thuận ghi giấy vay tiền 60.113.400 đồng và yêu cầu tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Vì vậy đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ A, địa chỉ thôn J, xã N, huyện Không Nô, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Không Nô theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ A vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà A.

[1.3]. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K (chồng bà Nguyễn Thị Mỹ A) được triệu tập hợp lệ tại Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên giữa nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận và xác định ông K không tham gia giao dịch mua bán vật tư xây dựng cũng như không ký vào “GIẤY VAY TIỀN” ngày 11/12/2020, do đó không làm phát sinh nghĩa vụ trả nợ của ông K đối với ông H, mặt khác ông K không yêu cầu độc lập trong vụ án. Tại phiên tòa Nguyên đơn không yêu cầu ông K cùng với bà A thanh toán tiền còn nợ ông H, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét thêm, việc vắng mặt ông K không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn K.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về nghĩa vụ thanh toán nợ gốc:

Lời khai của các đương sự thể hiện từ năm 2020 bà A nhiều lần mua vật tư xây dựng của ông Cao H. Đến ngày 11/12/2020 giữa ông H và bà A thỏa thuận lập biên bản chốt nợ và viết giấy vay tiền số tiền 60.113.400 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận có sự việc bà A mua hàng hóa là vật tư xây dựng (gồm gạch men, thiết bị điện, thiết bị vệ sinh...) và còn nợ ông Cao H. Nội dung này được thể hiện tại giấy viết bằng bút mực màu xanh có tựa đề “GIẤY VAY TIỀN”, đề ngày 11/12/2020, giấy tờ do ông Cao H viết và bà A ký và ghi tên “Nguyễn Thị Mỹ A”, tại giấy này bà A thừa nhận nợ ông Cao H với tổng số tiền 60.113.400 đồng và hẹn đến ngày 31/01/2021 trả.

Quá trình giải quyết vụ án, bà A cho rằng sau khi chốt nợ với ông Cao H và đã trả cho ông H được 10.000.000 đồng nhưng lời khai của bà A không có chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình.

Khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh: “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó..”

Khoản 5 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự quy định quyền, nghĩa vụ của đương sự: “*Cung cấp tài liệu, chứng cứ; chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình*”.

Từ những phân tích trên, xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao H yêu cầu bà A thanh toán số tiền nợ gốc mà các bên đã ký nhận trong giấy tờ là 60.113.400 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự nên cần được chấp nhận và cần buộc bà Nguyễn Thị Mỹ A có nghĩa vụ thanh toán cho ông Cao H số tiền nợ gốc 60.113.400 đồng.

[2.2]. Về yêu cầu thanh toán tiền lãi:

Ông Cao H yêu cầu bà A phải thanh toán tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng, thời hạn tính tiền lãi kể từ ngày 01/02/2021 đến ngày 14/9/2023. Hội đồng xét xử xét thấy giấy vay tiền đề ngày 11/12/2020 không thể hiện mức lãi suất cụ thể, chỉ thỏa thuận thời hạn thanh toán là “*Hẹn đến ngày 31/01/2021 chúng tôi sẽ trả đủ gốc và lãi cho ông Cao H*”.

Căn cứ Điều 148, Điều 357, Điều 440 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy thời điểm xác nhận bà A còn nợ ông Cao H số tiền 60.113.400 đồng là ngày 11/12/2020, tuy nhiên bà A hẹn đến ngày 31/01/2021 trả nợ và tính lãi suất không ghi cụ thể lãi suất là bao nhiêu, vì vậy thời hạn được xác định để tính lãi do bà A chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền kể từ ngày 01/02/2021. Do yêu cầu của ông Cao H với mức lãi suất 0,83%/tháng phù hợp với quy định tại Điều 357; khoản 4 Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

Tiền lãi là: $60.113.400 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 31 \text{ tháng} = 15.683.000 \text{ đồng}$.

Tổng tiền gốc và tiền lãi bà A phải thanh toán là 75.796.400 đồng (60.113.400 đồng + 15.683.000 đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành

án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3]. Về án phí: Căn cứ tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, buộc bà Nguyễn Thị Mỹ A có nghĩa vụ nộp số tiền 3.789.820 (Ba triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn tám trăm hai mươi đồng) (làm tròn 3.790.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Hoàn trả ông Cao H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.857.000 đồng theo biên lai số 0007348, ngày 21/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39, Điều 91, Điều 227, Điều 235; Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 117, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao H.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ A phải thanh toán cho ông Cao H tổng số tiền là 75.796.400 đồng (Bảy mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 60.113.400 và tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng, thời hạn tính lãi từ ngày 01/02/2021 đến ngày 14/9/2023, là 31 tháng 13 ngày, cụ thể: tiền lãi là $60.113.400 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 31 \text{ tháng} 13 \text{ ngày} = 15.450.545 \text{ đồng}$.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ A có nghĩa vụ nộp số tiền 3.790.000 đồng (Ba triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Hoàn trả ông Cao H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.857.000 đồng theo biên lai số 0007348, ngày 21/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- CCHADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Võ Thị Nhi

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: 23a/2023/QĐ-SCBSQĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Krông Nô, ngày 27 tháng 9 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ**

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung Bản án do nhầm lẫn trong Bản án số 23/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Cao H.

Địa chỉ: thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người được ủy quyền: Ông Dương Văn N (Theo văn bản ủy quyền số chứng thực 309, quyền số 01 (1)-SCT/HĐ, GD ngày 2/8/2023).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ A, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn J, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1981 (chồng của bà Nguyễn Thị Mỹ A).

Địa chỉ: Thôn J, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 23/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô như sau:

Tại dòng thứ 17 từ dưới lên trang 05 Bản án đã ghi: “1. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ A phải thanh toán cho ông Cao H tổng số tiền là 75.796.400 đồng (Bảy mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 60.113.400 và tiền lãi với mức lãi suất là

0.83%/tháng, thời hạn tính lãi từ ngày 01/02/2021 đến ngày 14/9/2023, là 31 tháng 13 ngày, cụ thể: tiền lãi là 60.113.400 đồng x 0,83%/tháng x 31 tháng 13 ngày = 15.450.545 đồng.”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “1. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ A phải thanh toán cho ông Cao H tổng số tiền là 75.796.400 đồng (Bảy mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 60.113.400 và tiền lãi với mức lãi suất là 0.83%/tháng, thời hạn tính lãi từ ngày 01/02/2021 đến ngày 14/9/2023, là 31 tháng 13 ngày, cụ thể: tiền lãi là 60.113.400 đồng x 0,83%/tháng x 31 tháng 13 ngày = **15.683.384 đồng (làm tròn 15.683.000 đồng).**”

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Krông Nô;
- Chi cục THADS H. K;
- Lưu.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Võ Thị Nhi